

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Quý 2 năm 2021
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.058.376.834.132	1.003.981.844.989
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	80.490.505.278	109.765.301.070
1 Tiền	111		890.505.278	965.301.070
2 Các khoản tương đương tiền	112		79.600.000.000	108.800.000.000
II Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		23.294.700.368	19.534.305.806
1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	23.294.700.368	19.534.305.806
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		926.342.505.628	845.138.442.449
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	29.576.594.697	29.290.979.516
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	6.780.970.812	6.692.622.512
3 Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	349.869.778.943	260.869.778.943
4 Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	552.165.585.295	560.422.280.597
5 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.8	(12.050.424.119)	(12.137.219.119)
IV Hàng tồn kho	140		25.756.131.359	26.996.853.527
1 Hàng tồn kho	141	5.9	25.756.131.359	26.996.853.527
V Tài sản ngắn hạn khác	150		2.492.991.499	2.546.942.137
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		22.360.000	1.517.126
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		808.101.548	910.028.388
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	1.662.529.951	1.635.396.623
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.421.019.553.242	3.341.291.650.908
I Các khoản phải thu dài hạn	210		105.580.000.000	39.500.000.000
1 Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.5	105.580.000.000	39.500.000.000
II Tài sản cố định	220		863.661.515	1.043.334.013
1 Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	863.661.515	1.043.334.013
<i>Nguyên giá</i>	222		<i>3.112.044.571</i>	<i>3.112.044.571</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		<i>(2.248.383.056)</i>	<i>(2.068.710.558)</i>
2 Tài sản cố định vô hình	227	5.11	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		<i>50.000.000</i>	<i>50.000.000</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		<i>(50.000.000)</i>	<i>(50.000.000)</i>
V Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.311.824.815.834	3.296.725.637.752
1 Đầu tư vào công ty con	251	5.7	2.484.118.823.206	2.484.118.823.206
2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.7	824.195.992.628	809.096.814.546
3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.2	3.510.000.000	3.510.000.000
VI Tài sản dài hạn khác	260		2.751.075.893	4.022.679.143
4 Chi phí trả trước dài hạn	261		2.751.075.893	4.022.679.143
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.479.396.387.374	4.345.273.495.897

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
C NỢ PHẢI TRẢ	300		1.755.420.692.237	1.713.167.715.470
I Nợ ngắn hạn	310		1.175.142.758.359	1.098.989.435.821
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	173.138.386.342	174.869.102.020
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	463.931.189.314	464.212.009.928
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	241.357.405	213.897.037
4 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	881.213.227	1.059.407.011
5 Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	205.688.952.040	157.661.254.794
6 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	329.185.493.151	299.252.493.151
7 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.076.166.880	1.721.271.880
II Nợ dài hạn	330		580.277.933.878	614.178.279.649
1 Phải trả dài hạn khác	337	5.16	98.186.183.878	98.771.529.649
2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	482.091.750.000	515.406.750.000
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.723.975.695.137	2.632.105.780.427
I Vốn chủ sở hữu	410	5.18	2.723.975.695.137	2.632.105.780.427
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>1.928.547.650.000</i>	<i>1.928.547.650.000</i>
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		3.657.748.096	3.657.748.096
3 Quỹ đầu tư phát triển	418		81.310.130.378	81.310.130.378
4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		710.460.166.663	618.590.251.953
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>617.420.256.953</i>	<i>397.461.275.988</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>93.039.909.710</i>	<i>221.128.975.965</i>
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.479.396.387.374	4.345.273.495.897

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 07 năm 2021


Dương Thị Nhung
Người lập biểu


Lương Thị Thu Yến
Quyền Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Luỹ kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		600.000.000	-	2.294.014.573	344.686.364
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	6.1	600.000.000	-	2.294.014.573	344.686.364
4 Giá vốn hàng bán	11	6.2	822.731.047	468.781.156	2.508.100.441	517.109.499
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(222.731.047)	(468.781.156)	(214.085.868)	(172.423.135)
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	89.350.455.177	74.294.427.579	138.944.827.008	116.768.688.766
7 Chi phí tài chính	22	6.4	20.787.295.295	12.160.111.543	41.566.662.467	24.823.990.947
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>20.787.295.295</i>	<i>12.160.111.543</i>	<i>41.566.662.467</i>	<i>24.823.990.947</i>
8 Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	2.021.593.987	1.779.378.528	4.123.779.274	3.323.623.986
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		66.318.834.848	59.886.156.352	93.040.299.399	88.448.650.698
11 Thu nhập khác	31	6.6	(300.000.000)	938.668.838	-	1.238.668.838
12 Chi phí khác	32	6.7	(183.908.280)	173.119.481	389.689	369.669.329
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(116.091.720)	765.549.357	(389.689)	868.999.509
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		66.202.743.128	60.651.705.709	93.039.909.710	89.317.650.207
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	-	-	-	-
16 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		66.202.743.128	60.651.705.709	93.039.909.710	89.317.650.207

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 07 năm 2021


Dương Thị Nhung
Người lập biểu


Lương Thị Thu Yên
Quyền Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1 Lợi nhuận trước thuế	01	93.039.909.710	89.317.650.207
2 Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	179.672.498	189.027.082
Các khoản dự phòng	03	(86.795.000)	469.426.786
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(138.944.827.008)	(116.768.688.766)
Chi phí lãi vay	06	41.566.662.467	24.823.990.947
3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(4.245.377.333)	(1.968.593.744)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	2.740.200.642	2.415.871.758
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	1.240.722.168	(20.399.712)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(972.191.740)	(8.628.488.840)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.250.760.376	16.879.187
Tiền lãi vay đã trả	14	(30.814.388.960)	(16.710.739.291)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(815.100.000)	(670.900.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(31.615.374.847)	(25.566.370.642)
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(151.960.394.562)	(50.493.516.857)
2 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	30.000.000.000
3 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(15.099.178.082)	(48.587.468.494)
4 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	172.782.151.699	136.909.312.681
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	5.722.579.055	67.828.327.330

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1 Tiền thu từ đi vay	33	14.500.000.000	10.000.000.000
2 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(17.882.000.000)	(24.205.000.000)
3 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.382.000.000)	(14.205.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(29.274.795.792)	28.056.956.688
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	109.765.301.070	30.169.465.509
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	80.490.505.278	58.226.422.197

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 07 năm 2021




Dương Thị Nhung
Người lập biểu



Lương Thị Thu Yên
Quyền Kế toán trưởng





Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập năm 1978 theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 8 tháng 3 năm 2000 và các lần thay đổi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Chính - Quốc tịch Việt Nam, Chức vụ: Tổng Giám đốc

Vốn điều lệ của Công ty là 1.928.547.650.000 đồng, được chia thành 192.854.765 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (“CII”), Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ là 54,79%.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: CII Bridges & Roads Investment Joint Stock Company, tên viết tắt là: CII Bridges & Roads.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: LGC.

Trụ sở chính của Công ty tại số 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: lắp đặt hệ thống điện; sản xuất thiết bị điện khác; sửa chữa thiết bị điện; hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán buôn chuyên doanh khác; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; sản xuất các cấu kiện kim loại; sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; giáo dục nghề nghiệp; xây dựng công trình công ích; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chuẩn bị mặt bằng; khai thác xử lý và cung cấp nước; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; các dịch vụ tăng cường sức khỏe.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là đầu tư và quản lý các công ty con hoạt động trong lĩnh vực đầu tư cầu đường; thi công xây lắp hệ thống thiết bị chiếu sáng công cộng, duy tu bảo dưỡng công trình công cộng; kinh doanh bất động sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của công ty là 12 tháng

1.3 Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC của Bộ Tài chính. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

1.4 Cấu trúc Công ty

Công ty đang đầu tư vào các công ty con và công ty liên doanh như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty con				
1/ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	TP.HCM	51%	51%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội
2/ Công ty TNHH MTV B.O.T Tỉnh Ninh Thuận	TP.HCM	100%	100%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận
3/ Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	TP.HCM	99,99%	99,99%	Đầu tư vào công ty dự án cầu đường
4/ Công ty TNHH B.O.T Cầu Rạch Miễu	Tỉnh Bến Tre	50,71%	50,36%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án xây dựng Cầu Rạch Miễu và mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60.
5/ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	TP.HCM	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua TP. Phan Rang - Tháp Chàm
6/ Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	TP.HCM	51%	51%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T xây dựng Cầu Cổ Chiên, Quốc lộ 60, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bến Tre
7/ Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	TP.HCM	89,98%	89,98%	Đầu tư xây dựng dự án B.T Cầu Sài Gòn
8/ Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	Tỉnh Bình Dương	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án đầu tư nâng mở rộng đường DT 741. <i>(Đầu tư gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình)</i>
Công ty liên doanh				
Công ty Cổ phần B.O.T Trung Lương - Mỹ Thuận	TP.HCM	50%	50%	Đầu tư xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán. Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)*****Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi các khoản đầu tư này có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính riêng. Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 8 tháng 8 năm 2019.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính riêng. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 10 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ một đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên Báo cáo tài chính dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)*****Doanh thu hợp đồng xây dựng***

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Thuế (tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	890.505.278	965.301.070
Các khoản tương đương tiền (i)	79.600.000.000	108.800.000.000
Cộng	80.490.505.278	109.765.301.070

(i) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng.

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	23.294.700.368	23.294.700.368	19.534.305.806	19.534.305.806
Dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	3.510.000.000	3.510.000.000	3.510.000.000	3.510.000.000
Cộng	26.804.700.368	26.804.700.368	23.044.305.806	23.044.305.806

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu các bên liên quan (i)	3.780.751.531	3.780.751.531
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển		
Cường Thuận IDICO	7.300.776.974	7.300.776.974
Công ty Xây dựng số 9 - Công ty An Xuân Thịnh	3.744.703.767	3.744.703.767
Khu Quản Lý Giao Thông Đô Thị Số 1	2.945.801.731	2.945.801.731
Công ty Cổ phần Thương mại Nước giải khát Khánh An	2.103.257.936	2.103.257.936
Công ty Cổ phần Phát triển Đường Cao tốc		
Biên Hoà - Vũng Tàu	1.321.079.368	1.321.079.368
Công ty Cổ phần Phát triển Đường Cao tốc		
Biên Hoà - Vũng Tàu	1.018.100.000	1.018.100.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Long Biên	807.913.550	807.913.550
Các khoản phải thu khách hàng khác	6.554.209.840	6.268.594.659
Cộng	29.576.594.697	29.290.979.516

(i) Chi tiết phải thu khách hàng là các bên liên quan

Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng - VRG	1.320.000.000	1.320.000.000
Công ty TNHH B.O.T Cầu Rạch Miễu	1.143.894.008	1.143.894.008
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	506.390.065	506.390.065
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	431.312.458	431.312.458
Công ty CII	379.155.000	379.155.000
Cộng	3.780.751.531	3.780.751.531

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Nước giải khát Khánh An <i>(mua phần vốn góp của Công ty TNHH B.O.T Cầu Rạch Miễu)</i>	5.820.497.512	5.820.497.512
Các đối tượng khác	960.473.300	872.125.000
Cộng	6.780.970.812	6.692.622.512

Phải thu về cho vay

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
a. Ngắn hạn	349.869.778.943	260.869.778.943
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc <i>(i)</i>	231.425.250.000	231.425.250.000
Công ty CII <i>(ii)</i>	69.001.528.943	23.501.528.943
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội <i>(iii)</i>	43.500.000.000	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII <i>(iv)</i>	5.943.000.000	5.943.000.000
b. Dài hạn	105.580.000.000	39.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận <i>(v)</i>	39.500.000.000	39.500.000.000
Công ty TNHH MTV B.O.T Tỉnh Ninh Thuận <i>(vi)</i>	61.880.000.000	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng - VRG <i>(vii)</i>	4.200.000.000	-
Cộng	455.449.778.943	300.369.778.943

Trong đó, phải thu các bên liên quan

Công ty CII	69.001.528.943	23.501.528.943
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	39.500.000.000	39.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	43.500.000.000	-
Công ty TNHH MTV B.O.T Tỉnh Ninh Thuận	61.880.000.000	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	5.943.000.000	5.943.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng - VRG	4.200.000.000	-
Cộng	224.024.528.943	68.944.528.943

- (i)* Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc để Tuấn Lộc góp vốn vào Công ty BOT Trung Lương Mỹ Thuận doanh nghiệp án BOT Trung Lương Mỹ Thuận). Khoản này được đảm bảo bằng chính cổ phần mà Tuấn Lộc sở hữu trong Doanh nghiệp dự án. Theo thỏa thuận, khi dự án hoàn thành đưa vào thu phí thì Công ty có quyền yêu cầu và Tuấn Lộc có nghĩa vụ phải chuyển nhượng cổ phần cho Công ty. Chi phí sử dụng vốn theo thỏa thuận giữa hai bên là 11%/năm và được thanh toán một lần vào ngày đáo hạn.
- (ii)* Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty CII sẽ đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 với lãi suất áp dụng theo thỏa thuận giữa hai bên là 11%/năm.
- (iii)* Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội theo Hợp đồng số 01/2021/BB-CIIB&R ngày 23 tháng 02 năm 2021, khoản này sẽ đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 với chi phí sử dụng vốn là 10,5%/năm.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

5.5 Phải thu về cho vay (tiếp theo)

- (iv) Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII theo hợp đồng ký ngày 17 tháng 7 năm 2019 với thời hạn là 1 năm, khoản này sẽ đáo hạn vào ngày 17 tháng 7 năm 2021 với chi phí sử dụng vốn từ 9,7% đến 7,5%.
- (v) Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng Ninh Thuận theo Hợp đồng ngày 05 tháng 12 năm 2017, khoản này sẽ đáo hạn vào ngày 05 tháng 12 năm 2022 với chi phí sử dụng vốn là 9,8%/năm.
- (vi) Khoản hỗ trợ vốn cho Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty TNHH MTV B.O.T Tỉnh Ninh Thuận theo Hợp đồng số 01A/2021 ngày 04 tháng 01 năm 2021, khoản này sẽ đáo hạn vào ngày 04 tháng 01 năm 2026, với chi phí sử dụng vốn bằng với mức lãi suất của dự án mà Ngân hàng Viettinbank - CN11 TP. HCM đang cho Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận vay tại từng thời điểm. Hiện tại chi phí sử dụng vốn đang áp dụng từ 9,7% đến 9,5%.
- (vii) Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng - VRG theo Hợp đồng số 01/2021 ngày 19 tháng 03 năm 2021, khoản này sẽ đáo hạn vào ngày 19 tháng 03 năm 2026 với chi phí sử dụng vốn là 8,4%/năm.

5.6 Phải thu khác

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	400.456.302.421	415.323.083.368
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	147.581.888.173	92.993.770.603
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	27.539.152.626	99.875.266.352
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	146.644.759.103	143.763.543.894
Công ty TNHH MTV B.O.T Tỉnh Ninh Thuận	78.690.502.519	78.690.502.519
Phải thu lãi tiền gửi, cho vay, lãi trả chậm	150.504.282.173	137.444.825.917
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc - lãi cho vay	146.903.708.659	134.279.936.801
Công ty CP TM Nước Giải khát Khánh An - lãi trả chậm	2.712.147.416	2.307.782.767
Công ty TNHH MTV B.O.T Tỉnh Ninh Thuận	489.883.333	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	112.669.375	544.175.307
Lãi tiền gửi tiết kiệm	285.873.390	312.931.042
Phải thu khác	1.205.000.701	7.654.371.312
Công ty TNHH MTV B.O.T Tỉnh Ninh Thuận	-	6.880.000.000
Phải thu khoản nộp 1% đảm bảo công trình	455.871.841	455.871.841
Công ty TNHH B.O.T Cầu Rạch Miễu	600.000.000	200.000.000
Tạm ứng	65.000.000	77.350.000
Ký quỹ Viễn thông, taxi, thuê máy photo	14.000.000	14.000.000
Các khoản chi hộ	70.128.860	27.149.471
Cộng	552.165.585.295	560.422.280.597

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

5.5 Phải thu khác (tiếp theo)

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
<i>Trong đó, phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	147.581.888.173	92.993.770.603
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	27.539.152.626	99.875.266.352
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	146.644.759.103	143.763.543.894
Công ty TNHH MTV B.O.T Tỉnh Ninh Thuận	79.180.385.852	85.570.502.519
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	112.669.375	544.175.307
Công ty TNHH B.O.T Cầu Rạch Miễu	600.000.000	200.000.000
Cộng	401.658.855.129	422.947.258.675

5.7 Đầu tư tài chính

a. Đầu tư vào công ty con

	30/06/2021		01/01/2021	
	Số cổ phần	Giá trị ghi sổ	Số cổ phần	Giá trị ghi sổ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	94.350.000	943.500.000.000	54.060.000	943.500.000.000
Công ty TNHH MTV B.O.T Tỉnh Ninh Thuận	-	607.325.833.333	-	607.325.833.333
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	28.700.000	335.996.028.454	28.700.000	335.996.028.454
Công ty TNHH B.O.T Cầu Rạch Miễu	-	242.278.623.284	-	242.278.623.284
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	21.998.000	219.980.000.000	21.998.000	219.980.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	-	106.590.000.000	-	106.590.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	2.498.835	28.448.338.135	2.498.835	28.448.338.135
Cộng		2.484.118.823.206		2.484.118.823.206

b. Đầu tư vào công ty liên doanh

	30/06/2021		01/01/2021	
	Số cổ phần	Giá trị ghi sổ	Số cổ phần	Giá trị ghi sổ
Công ty Cổ phần B.O.T Trung Lương - Mỹ Thuận	77.141.770	824.195.992.628	77.141.770	809.096.814.546
Cộng		824.195.992.628		809.096.814.546

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán. Đồng thời, các quy định hiện hành chưa có các hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

5.8 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2021			31/03/2020		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND
Phải thu khách hàng từ thi công công trình Công ty Cổ phần Phát triển Đường cao tốc Biên Hoà-Vũng Tàu	9.252.255.563	3.094.932.872	6.157.322.691	9.252.255.563	3.008.137.872	6.244.117.691
Công ty Cường Thuận IDICO	1.321.079.368	-	1.321.079.368	1.321.079.368	-	1.321.079.368
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 17 Thăng Long	891.822.100	-	891.822.100	891.822.100	-	891.822.100
Chi nhánh Công Cổ phần Đầu tư Long Biên	796.272.960	-	796.272.960	796.272.960	-	796.272.960
Liên danh Công ty Trường Sơn - Tây Bắc	723.234.000	-	723.234.000	723.234.000	-	723.234.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 14	669.898.000	-	669.898.000	669.898.000	-	669.898.000
Trả trước người bán ngắn hạn	620.995.000	-	620.995.000	620.995.000	-	620.995.000
	869.800.000	-	869.800.000	869.800.000	-	869.800.000
Cộng	15.145.356.991	3.094.932.872	12.050.424.119	15.145.356.991	3.008.137.872	12.137.219.119

5.9 Hàng tồn kho

	30/06/2021		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí đầu tư các dự án B.O.T chưa khai thác	25.207.545.926		25.207.545.926	
Chi phí thi công lắp đặt, duy tu dở dang	437.285.433		1.678.007.601	
Hàng hóa	111.300.000		111.300.000	
Cộng	25.756.131.359		26.996.853.527	

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

5.10 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2021	854.759.656	2.257.284.915	3.112.044.571
Tại ngày 30/06/2021	854.759.656	2.257.284.915	3.112.044.571
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2021	675.625.122	1.393.085.436	2.068.710.558
Khấu hao trong năm	16.784.496	162.888.002	179.672.498
Tại ngày 30/06/2021	692.409.618	1.555.973.438	2.248.383.056
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2021	179.134.534	864.199.479	1.043.334.013
Tại ngày 30/06/2021	162.350.038	701.311.477	863.661.515

5.11 Tài sản cố định vô hình

	Bản quyền phần mềm VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2021	50.000.000
Tại ngày 30/06/2021	50.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2021	50.000.000
Khấu hao trong kỳ	-
Tại ngày 30/06/2021	50.000.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2021	-
Tại ngày 30/06/2021	-
Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2021		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty CII (i)	158.773.301.802	158.773.301.802	158.773.301.802	158.773.301.802
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia	8.723.509.444	8.723.509.444	9.427.804.089	9.427.804.089
Công ty Cổ phần Xây lắp Điện Chiếu Sáng	975.504.165	975.504.165	1.270.429.658	1.270.429.658
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	682.569.030	682.569.030	1.474.911.070	1.474.911.070
Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Kỹ thuật Thiên Thành	351.627.200	351.627.200	351.627.200	351.627.200
Công ty TNHH Tân Thành Tâm	180.272.259	180.272.259	180.272.259	180.272.259
Công ty TNHH Đại dương Xanh	163.327.842	163.327.842	163.327.842	163.327.842
Phải trả các đối tượng khác	288.274.600	288.274.600	227.428.100	227.428.100
Cộng	173.138.386.342	173.138.386.342	174.869.102.020	174.869.102.020

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
<i>Trong đó, phải trả người bán là các bên liên quan</i>		
Công ty CII	158.773.301.802	158.773.301.802
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	682.569.030	1.474.911.070
Cộng	159.455.870.832	160.248.212.872

(i) Khoản phải trả cho Công ty CII về việc nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần B.O.T Trung Lương - Mỹ Thuận.

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty CII (i)	462.850.380.000	462.850.380.000
Khu Quản lý Giao thông Đô thị số 3	600.657.536	881.478.150
Ban quản lý đầu tư XD công trình nâng cấp đô thị	365.219.173	365.219.173
Các đối tượng khác	114.932.605	114.932.605
Cộng	463.931.189.314	464.212.009.928

Trong đó, người mua trả tiền trước là các bên liên quan

Công ty CII	462.850.380.000	462.850.380.000
-------------	-----------------	-----------------

(i) Đây là khoản Công ty CII trả trước liên quan đến thỏa thuận hứa mua, hứa bán cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận do Công ty sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

5.14 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà Nước

	01/01/2021 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	30/06/2021 VND
a. Phải nộp				
Thuế thu nhập cá nhân	213.897.037	350.335.746	535.533.556	28.699.227
Thuế nhà đất, thuế đất	-	448.105.076	235.446.898	212.658.178
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	213.897.037	801.440.822	773.980.454	241.357.405
b. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.177.431.555	-	-	1.177.431.555
Thuế giá trị gia tăng vãng lai nội tính	457.965.068	-	27.133.328	485.098.396
Cộng	1.635.396.623	-	27.133.328	1.662.529.951

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi phí lãi vay	694.963.227	876.907.011
Chi phí phải trả khác	186.250.000	182.500.000
Cộng	881.213.227	1.059.407.011

5.16 Phải trả khác

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
a. Ngắn hạn	205.688.952.040	157.661.254.794
Ứng trước lợi nhuận từ Công ty TNHH B.O.T Cầu Rạch Miễu	159.781.500.895	126.281.500.895
Khoản nhận trước tiền mua cổ phần từ Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	24.988.350.000	24.988.350.000
Phải trả lãi vay cho Công ty CII	20.603.166.744	6.079.713.566
Phải trả khác	315.934.401	311.690.333
b. Dài hạn	98.186.183.878	98.771.529.649
Phải trả lãi vay cho Công ty CII	90.886.183.878	92.071.529.649
Các khoản thu hộ	7.300.000.000	6.700.000.000
Cộng	303.875.135.918	256.432.784.443
<i>Trong đó, phải trả là các bên liên quan</i>		
Công ty CII	111.489.350.622	98.151.243.215
Công ty TNHH B.O.T Cầu Rạch Miễu	159.781.500.895	126.281.500.895
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	24.988.350.000	24.988.350.000
Cộng	296.259.201.517	249.421.094.110

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**5.17 Vay và nợ thuê tài chính**

	30/06/2021		Phát sinh trong kỳ		01/01/2021	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Vay ngắn hạn	264.083.493.151	264.083.493.151	14.500.000.000	-	249.583.493.151	249.583.493.151
Công ty CII	264.083.493.151	264.083.493.151	14.500.000.000	-	249.583.493.151	249.583.493.151
Các khoản vay dài hạn đến hạn trả	65.102.000.000	65.102.000.000			49.669.000.000	49.669.000.000
Cộng	329.185.493.151	329.185.493.151	14.500.000.000	-	299.252.493.151	299.252.493.151
Vay dài hạn	547.193.750.000	547.193.750.000	-	17.882.000.000	565.075.750.000	565.075.750.000
Ngân hàng Tiên Phong - CN Bến Thành	490.167.300.319	490.167.300.319	-	17.882.000.000	508.049.300.319	508.049.300.319
Công ty CII	57.026.449.681	57.026.449.681	-	-	57.026.449.681	57.026.449.681
Trừ số phải trả trong 12 tháng tới	(65.102.000.000)	(65.102.000.000)			(49.669.000.000)	(49.669.000.000)
Cộng	482.091.750.000	482.091.750.000	-	17.882.000.000	515.406.750.000	515.406.750.000
Tổng cộng	811.277.243.151	811.277.243.151	14.500.000.000	17.882.000.000	814.659.243.151	814.659.243.151

Trong đó thanh toán theo kỳ hạn

	30/06/2021	01/01/2021
Trong vòng một (01) năm	65.102.000.000	49.669.000.000
Trong năm thứ hai (02)	56.670.000.000	52.870.000.000
Từ năm thứ ba (03) đến năm thứ năm (05)	171.739.449.681	208.854.449.681
Sau năm (05) năm	253.682.300.319	253.682.300.319
Cộng	547.193.750.000	565.075.750.000
Trừ số phải trả trong vòng 12 tháng	(65.102.000.000)	(49.669.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	482.091.750.000	515.406.750.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

5.17 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Công ty CII	221.583.493.151	3 năm	21/07/2023	Lãi suất trong kỳ 11,50%	Hợp tác kinh doanh (thời hạn 03 năm nhưng có thể chấm dứt trước hạn khi có đề nghị của một trong hai bên)	Không có tài sản đảm bảo.
	42.500.000.000	12 tháng	13/04/2021	Lãi suất trong kỳ 10,50%	Góp vốn vào công ty dự án Trung Lương - Mỹ Thuận	
Cộng ngắn hạn	<u>264.083.493.151</u>					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

5.17 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong Chi nhánh Bến Thành	328.682.300.319	8 năm	29/07/2028	Lãi suất trong kỳ từ 10,50% - 10,35%	Vay trả nợ cho Công ty CII	- Quyền thu phí dự án "Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương". - Toàn bộ phần vốn góp của Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình tại Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG.
	161.485.000.000	3 năm	25/10/2023	Lãi suất trong kỳ từ 10,50% - 10,35%	Vay trả nợ cho NH BIDV - CN Tây Sài Gòn	- Toàn bộ cổ phần của Công ty CIIBR tại Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình. - Toàn bộ cổ phần của Công ty CIIBR tại Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu. - Cam kết bảo lãnh thanh toán vô điều kiện không huỷ ngang của Công ty CP
	490.167.300.319					
Công ty CII	57.026.449.681	9 năm	13/04/2024	Lãi suất trong kỳ 4,25%	Đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần B.O.T Trung Lương - Mỹ Thuận	Cổ phần của Công ty Cổ phần B.O.T Trung Lương - Mỹ Thuận mà Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc sở hữu
Cộng dài hạn	547.193.750.000					
Tổng cộng	811.277.243.151					

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**5.18. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	1.928.547.650.000	3.657.748.096	69.610.184.378	629.965.993.988	2.631.781.576.462
Lãi trong năm trước	-	-	-	233.998.916.965	233.998.916.965
Chia cổ tức	-	-	-	(231.425.718.000)	(231.425.718.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	11.699.946.000	(11.699.946.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.169.995.000)	(1.169.995.000)
Chi thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(1.079.000.000)	(1.079.000.000)
Số dư đầu năm nay	1.928.547.650.000	3.657.748.096	81.310.130.378	618.590.251.953	2.632.105.780.427
Lãi trong năm nay	-	-	-	93.039.909.710	93.039.909.710
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.169.995.000)	(1.169.995.000)
Số dư cuối năm nay	1.928.547.650.000	3.657.748.096	81.310.130.378	710.460.166.663	2.723.975.695.137

b. Cổ phiếu

	30/06/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng + Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành + Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND/cổ phiếu		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

5.18 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

c. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

		30/06/2021	01/01/2021
		VND	VND
Công ty CII	54,79%	1.056.723.420.000	1.056.495.420.000
Metro Pacific Tollways Corporation	44,94%	866.666.660.000	866.666.660.000
Các đối tượng khác	0,27%	5.157.570.000	5.385.570.000
Cộng		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000

d. Các quỹ của doanh nghiệp

		30/06/2021	01/01/2021
		VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển		81.310.130.378	81.310.130.378
Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.076.166.880	1.721.271.880
Cộng		83.386.297.258	83.031.402.258

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
Doanh thu thi công, lắp đặt, duy tu công trình	1.355.459.863	-
Doanh thu cung cấp hàng hóa dịch vụ	938.554.710	344.686.364
Cộng	2.294.014.573	344.686.364
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Giảm giá hàng bán	-	-
Doanh thu thuần	2.294.014.573	344.686.364

Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty CII	-	344.686.364
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng - VRG	300.000.000	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	300.000.000	-
Cộng	600.000.000	344.686.364

6.2 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
Giá vốn thi công, lắp đặt, duy tu công trình	1.301.241.468	-
Giá vốn hàng hóa dịch vụ đã cung cấp	1.206.858.973	517.109.499
Cộng	2.508.100.441	517.109.499

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
Lợi nhuận được chia	116.320.219.053	94.952.285.013
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	22.624.607.955	21.816.403.753
Cộng	138.944.827.008	116.768.688.766

Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty CII	2.403.890.116	6.151.338.322
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	56.164.843.597	32.748.984.298
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	15.380.139.051	25.425.887.125
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	-	130.504.667
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	253.815.626	255.609.639
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng - VRG	95.783.014	-
Công ty TNHH MTV B.O.T Tỉnh Ninh Thuận	1.459.884.334	-
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	1.470.000.000	-
Cộng	124.056.570.947	103.446.743.196

6.4 Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
Chi phí lãi vay	41.566.662.467	24.823.990.947
Cộng	41.566.662.467	24.823.990.947

Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty CII	15.741.997.523	8.517.797.725
-------------	----------------	---------------

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
Chi phí lương nhân viên	2.034.644.217	2.065.190.492
Chi phí văn phòng	173.863.223	150.329.325
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.246.114	20.297.226
Chi phí thuê văn phòng	54.000.000	187.500.000
Chi phí tiếp khách	160.265.947	100.745.621
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi hoặc hoàn nhập	(86.795.000)	469.426.786
Phân bổ chi phí quản lý tài khoản	1.271.603.250	-
Các khoản chi phí khác	495.951.523	330.134.536
Cộng	4.123.779.274	3.323.623.986

Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty TNHH MTV Đầu tư kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	-	245.682.182
--	---	-------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)

6.6 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
Thu nhập từ cho thuê xe	-	600.000.000
Thu nhập từ xóa các khoản nợ	-	638.668.838
Cộng	-	1.238.668.838

Trong đó, thu nhập khác phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng - VRG	-	300.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Tl	-	300.000.000
Cộng	-	600.000.000

6.7 Chi phí khác

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
Chi phí liên quan đến hoạt động cho thuê xe	-	369.669.329
Nộp tiền phạt chậm nộp thuế	389.689	-
Cộng	389.689	369.669.329

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
Lợi nhuận kế toán trước thuế	93.039.909.710	89.317.650.207
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ	389.689	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(116.320.219.053)	(94.952.285.013)
Thu nhập chịu thuế	(23.279.919.654)	(5.634.634.806)
Kết chuyển lỗ	-	-
Thu nhập tính thuế	(23.279.919.654)	(5.634.634.806)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
Chi phí nhân công	1.878.177.494	1.786.281.029
Chi phí khấu hao tài sản cố định	179.672.498	189.027.082
Chi phí dịch vụ mua ngoài	590.488.585	294.602.861
Chi phí khác bằng tiền.	622.977.621	377.148.113
Cộng	3.271.316.198	2.647.059.085

7 THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	-	-
Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	14.500.000.000	10.000.000.000
Cộng	14.500.000.000	10.000.000.000
Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	17.882.000.000	24.205.000.000
Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	-	-
Cộng	17.882.000.000	24.205.000.000

7.2 Trình bày kết quả kinh doanh theo bộ phận

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau. Theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh. Các bộ phận hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm các bộ phận như sau:

- Hoạt động kinh doanh về đầu tư: hoạt động tài chính về hỗ trợ vốn, đầu tư.
- Hoạt động kinh doanh khác: Thi công công trình, cung cấp hàng hóa, dịch vụ...

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

STT	Chỉ tiêu	Hoạt động	Hoạt động	Cộng
		Đầu tư	Kinh doanh khác	
		VND	VND	VND
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	2.294.014.573	2.294.014.573
	Doanh thu thi công công trình		1.355.459.863	1.355.459.863
	Doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ		938.554.710	938.554.710
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	2.294.014.573	2.294.014.573
4	Giá vốn hàng bán	-	2.508.100.441	2.508.100.441
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	(214.085.868)	(214.085.868)
6	Doanh thu hoạt động tài chính	138.944.827.008	-	138.944.827.008
	Lợi nhuận được chia	116.320.219.053	-	116.320.219.053
	Lãi cho vay	20.764.488.401	-	20.764.488.401
	Lãi tiền gửi ngân hàng	1.860.119.554	-	1.860.119.554
7	Chi phí tài chính	41.566.662.467	-	41.566.662.467
	Chi phí lãi vay	41.566.662.467	-	41.566.662.467
8	Chi phí bán hàng	-	-	-

7. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

7.2 Trình bày kết quả kinh doanh bộ phận (tiếp theo)

STT CHỈ TIÊU	Hoạt động đầu tư VND	Hoạt động kinh doanh khác VND	Cộng VND
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.123.779.274	-	4.123.779.274
Chi phí lương nhân viên	2.034.644.217	-	2.034.644.217
Chi phí văn phòng	173.863.223	-	173.863.223
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.246.114	-	20.246.114
Chi phí thuê văn phòng	54.000.000	-	54.000.000
Chi phí tiếp khách	160.265.947	-	160.265.947
Hoàn nhập trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(86.795.000)	-	(86.795.000)
Phân bổ chi phí quản lý tài khoản	1.271.603.250	-	1.271.603.250
Các khoản chi phí khác	495.951.523	-	495.951.523
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	93.254.385.267	(214.085.868)	93.040.299.399
11 Thu nhập khác	-	-	-
Thu nhập từ cho thuê xe	-	-	-
12 Chi phí khác	-	389.689	389.689
Nộp tiền phạt chậm nộp thuế	-	389.689	389.689
13 Lợi nhuận khác	-	(389.689)	(389.689)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	93.254.385.267	(214.475.557)	93.039.909.710
15 Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	-	389.689	389.689
Nộp tiền phạt chậm nộp thuế	-	389.689	389.689
16 Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế	116.320.219.053	-	116.320.219.053
Lợi nhuận được chia	116.320.219.053	-	116.320.219.053
17 Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	(23.065.833.786)	(214.085.868)	(23.279.919.654)
18 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-
19 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	93.254.385.267	(214.475.557)	93.039.909.710

7.3 Thông tin và nghiệp vụ về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty CII	Công ty mẹ Công ty
Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	Công ty con
Công ty TNHH MTV B.O.T tỉnh Ninh Thuận	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	Công ty con
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	Công ty con
Công ty TNHH B.O.T Cầu Rạch Miễu	Công ty con
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	Công ty con đầu tư gián tiếp
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	Công ty trong cùng tập đoàn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

7. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**7.3 Thông tin và nghiệp vụ về các bên liên quan (tiếp theo)**

Ngoài các số dư và giao dịch với các bên liên quan đã được trình bày tại các thuyết minh của báo cáo tài chính riêng, trong kỳ Công ty còn có các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
Công ty CII		
Nhận tiền gốc hỗ trợ vốn	14.500.000.000	10.000.000.000
Cho vay hỗ trợ vốn	45.500.000.000	79.000.000.000
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	-	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII		
Cho vay hỗ trợ vốn	-	1.000.000.000
Thanh toán tiền cung cấp dịch vụ	792.342.040	-
Thu tiền lãi cho vay, hỗ trợ vốn	685.321.558	77.158.736
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình		
Nhận tiền lợi nhuận đã chia	43.947.000.000	40.100.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận		
Nhận tiền lợi nhuận đã chia	85.770.000.000	50.000.000.000
Thu tiền cho thuê xe	330.000.000	330.000.000
Thu tiền lãi cho vay, hỗ trợ vốn	1.946.252.777	957.296.668
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	-	22.200.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	43.500.000.000	-
Thu tiền lãi cho vay, hỗ trợ vốn	1.576.726.027	-
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu		
Nhận tiền tạm ứng lợi nhuận	33.500.000.000	38.100.000.000
Nhận tiền lợi nhuận đã chia	1.470.000.000	-
Thu tiền phụ cấp HDTV	200.000.000	600.000.000
Phải thu tiền phụ cấp thành viên	600.000.000	600.000.000
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận		
Chuyển tiền góp vốn	-	38.200.000.000
Cho vay hỗ trợ vốn	61.880.000.000	-
Thu tiền lãi cho vay, hỗ trợ vốn	970.001.001	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

7. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

7.3 Thông tin và nghiệp vụ về các bên liên quan (tiếp theo)

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
Công ty TNHH MTV Đầu tư kinh doanh Địa ốc Lữ Gia		
Thanh toán tiền thuê văn phòng	-	270.250.400
Chi phí thuê văn phòng	-	245.682.182
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng - VRG		
Thu tiền bán hàng	330.000.000	330.000.000
Cho vay hỗ trợ vốn	4.200.000.000	-
Thu tiền lãi vay	95.783.014	-
Khoản thu giám sát hậu kiểm	-	120.000.000


7.4 Tiền lương và các khoản thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ

Họ tên	Chức vụ	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
Ông Nguyễn Văn Chính <i>(bổ nhiệm ngày 01/12/2020)</i>	Tổng Giám đốc	707.294.834	384.487.144
Ông Francis Gerard ElizagaAberilla	Phó Tổng Giám đốc	415.764.752	411.061.090
Ông Phạm Thế Chính <i>(miễn nhiệm ngày 01/12/2020)</i>	Tổng Giám đốc	-	776.994.811
Cộng		1.123.059.586	1.572.543.045

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 07 năm 2021



Dương Thị Nhung
Người lập biểu



Lương Thị Thu Yên
Quyền Kế toán trưởng





Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc